

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông
trên địa bàn phường Quyết Thắng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 của Sở xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc công bố bảng giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 534/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 của Sở xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ thông báo giá của Sở Xây dựng, công bố Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tháng 5 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND phường Quyết Thắng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026, phường quyết thắng - đợt 1;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 26/03/2026 của UBND phường Quyết Thắng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trên địa bàn phường Quyết Thắng;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Văn bản số 17/TBKQTĐ-KTHT&ĐT ngày 4/6/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trên địa bàn phường Quyết Thắng và Tờ trình số 48 /TTr-BQLDA ngày 04/6/2026 của Ban Quản lý dự án phường về việc thẩm định, phê duyệt dự án: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trên địa bàn phường Quyết Thắng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trên địa bàn phường Quyết Thắng với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trên địa bàn phường Quyết Thắng.
2. Địa điểm xây dựng: Phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên.
3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Quyết Thắng.
4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án phường Quyết Thắng.
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Kim Quy.
6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:
 - 6.1. Nhóm dự án: Nhóm C;
 - 6.2. Cấp công trình: Công trình giao thông - cấp IV.
7. Mục tiêu dự án:

Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống mạng lưới giao thông, hướng tới việc cải thiện trực tiếp chất lượng sống của cư dân và sinh viên trong khu vực. Xây dựng một tuyến đường "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp", góp phần đưa phường Quyết Thắng tiến gần hơn đến tiêu chuẩn đô thị văn minh.
8. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trên địa bàn phường Quyết Thắng gồm 6 tuyến chính:

Tuyến 1: Đường giáp Tecco Đán: Chiều dài 164,72m.

+ Điểm đầu: Km0+00 Nối tiếp vào đường lên cao tốc Thái Nguyên – Hà Nội.

+ Điểm cuối: Nối tiếp vào đường bê tông nhựa hiện có.

* Thiết kế cắt ngang:

- Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ (theo mặt đường hiện trạng)

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

- Độ dốc ngang lề đường: $i_l = 4\%$

* Thiết kế kết cấu mặt đường:

+ Kết cấu 1 (KC1): Kết cấu trên mặt đường hiện trạng.

- Bê tông nhựa C12.5 dày 7cm.

- Tưới nhựa dính bảm $0,5\text{Kg/m}^2$.

- Bù vênh bằng bê tông nhựa C12.5 chiều dày thay đổi.

- Tưới nhựa dính bảm $0,5\text{Kg/m}^2$.

- Mặt đường hiện trạng.

+ Kết cấu 2 (KC2): Kết cấu mặt đường tại vị trí vuốt nối vào đường ngõ.

- Bê tông nhựa C12.5 dày 7cm.

- Tưới nhựa dính bảm $0,5\text{Kg/m}^2$.

- Kết cấu mặt đường hiện trạng.

+ Kết cấu 3 (KC3): Kết cấu mặt đường mới.

- Bê tông nhựa C12.5 dày 7cm.

- Tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{Kg/m}^2$.

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm.

- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

- Lốp K98 dày 30cm

* Thiết kế rãnh thoát nước:

Rãnh đúc sẵn B600 BTCT đoạn nút giao S1, và từ cọc P1 đến cọc 3

- Rãnh BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn B600

- Tấm đan BTCT M300 đá 1x2 KT: 70x100x15cm

- Lót móng bằng BTXM M150 dày 10cm

Tuyến 2: Đường tổ 2 phường Quyết Thắng: Chiều dài 186,66 m.

+ Điểm đầu: Km0+00 Nối tiếp vào đường bê tông nhựa khu dân cư tổ 2.

+ Điểm cuối: Nối tiếp vào đường bê tông hiện có.

* Thiết kế cắt ngang:

- Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ (theo mặt đường hiện trạng)

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

- Độ dốc ngang lề đường: $i_l = 4\%$

* Thiết kế kết cấu mặt đường:

+ Kết cấu 1 (KC1): Kết cấu trên mặt đường hiện trạng.

- Bê tông nhựa C12.5 dày 7cm.

- Tưới nhựa dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$.

- Bù vênh bằng bê tông nhựa C12.5 chiều dày thay đổi.

- Tưới nhựa dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$.

- Mặt đường hiện trạng.

+ Kết cấu 2 (KC2): Kết cấu mặt đường tại vị trí vuốt nối vào đường ngõ.

- Bê tông nhựa C12.5 dày 7cm.

- Tưới nhựa dính bám $0,5\text{Kg/m}^2$.

- Kết cấu mặt đường hiện trạng.

+ Kết cấu 3 (KC3): Kết cấu mặt đường mới.

- Bê tông nhựa C12.5 dày 7cm.

- Tưới nhựa thấm bám $1,0\text{Kg/m}^2$.

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm.

- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

- Lớp K98 dày 30cm

* Thiết kế Cống thoát nước:

Rãnh đúc sẵn B600 BTCT đoạn từ cọc P1 đến cọc 15

- Rãnh BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn B600

- Tấm đan BTCT M300 đá 1x2 KT: 70x100x15cm

- Lót móng bằng BTXM M150 dày 10cm

* Thiết kế bó vỉa:

Bó vỉa bên trái tuyến

- Bó vỉa BTXM M250 đá 1x2 KT 35x18.5x100cm
- BTXM Lót M100 đá 1x2 dày 10cm

Tuyến 3: Tổ dân phố 2 phường Thịnh Đán (cũ): Chiều dài 249,14 m.

- + Điểm đầu: Km0+00 Nối tiếp vào đường tổ hữu
- + Điểm cuối: Nối tiếp vào đường đường bê tông.

* Thiết kế cắt ngang:

- Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$ (theo mặt đường hiện trạng)
- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$
- Độ dốc ngang lề đường: $i_l = 4\%$

* Thiết kế kết cấu mặt đường:

- Mặt đường BTXM M250 đá 1x2 dày 18cm.
- Lớp Nilong ngăn nước
- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 16cm.

* Thiết kế Cống thoát nước:

Rãnh đúc sẵn B600 BTCT đoạn từ cọc 1 đến cọc 18

- Rãnh BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn B600
- Tấm đan BTCT M300 đá 1x2 KT: 70x100x15cm
- Lót móng bằng BTXM M150 dày 10cm

Tuyến 4: Đường xóm Trung Thành phường Quyết Thắng: Chiều dài tuyến 94.38m. Gồm 2 đoạn

a. Đoạn 1: dài 34.54m

- + Điểm đầu: Km0+00 Nối tiếp vào đường tổ hữu
- + Điểm cuối: Nối tiếp vào đường đường bê tông.

* Thiết kế cắt ngang:

- Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}$ (theo mặt đường hiện trạng)
- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

* Thiết kế kết cấu mặt đường:

- Bê tông nhựa C12.5 dày 7cm.
- Tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{Kg/m}^2$.
- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm.
- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

b. Đoạn 2: dài 59.86m.

+ Điểm đầu: Nối tiếp vào đường đường bê tông.

+ Điểm cuối: Nối tiếp vào đường đường bê tông.

* Thiết kế cắt ngang:

- Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$ (theo mặt đường hiện trạng)

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

- Độ dốc ngang lề đường: $i_l = 4\%$

* Thiết kế kết cấu mặt đường:

- Mặt đường BTXM M250 đá 1x2 dày 18cm.

- Lớp Nilong ngăn nước

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 12cm.

* Rãnh đúc sẵn B600 BTCT dài 33m

- Rãnh BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn B600

- Tấm đan BTCT M300 đá 1x2 KT: 70x100x15cm

- Lót móng bằng BTXM M150 dày 10cm

Tuyến 5: Đường xóm Thái Sơn 2 phường Quyết Thắng: Chiều dài dự kiến khoảng 382,65m.

+ Điểm đầu: Km0+00 Nối tiếp vào đường bê tông nhựa Z115.

+ Điểm cuối: Nối tiếp vào đường đường bê tông nhựa Z115.

* Thiết kế cắt ngang:

+ Mặt cắt ngang loại 1:

- Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 5,9\text{m}$ (theo mặt đường hiện trạng)

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

+ Mặt cắt ngang loại 2:

- Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 10,0\text{m}$ (theo mặt đường hiện trạng)

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

* Thiết kế kết cấu mặt đường:

- Bê tông nhựa C12.5 dày 7cm.

- Tuổi nhựa thấm bảm $1,0\text{Kg/m}^2$.

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm.

- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

* Rãnh đúc sẵn B600 BTCT dài 83m

- Rãnh BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn B600
- Tấm đan BTCT M300 đá 1x2 KT:70x100x15cm
- Lót móng bằng BTXM M150 dày 10cm

* Thiết kế bó vỉa, tấm đón nước:

- Bó vỉa bê tông xi măng M200 Kích thước (0,5x0,3x0,185)m. Tấm đón nước BTXM M200 kích thước (0,5cx0,3x0.05)m

Tuyến 6: Đường xóm Thái Sơn phường Quyết Thắng: Chiều dài dự kiến khoảng 71.94m.

+ Điểm đầu: Km0+00 Nối tiếp vào đường bê tông nhựa.

+ Điểm cuối: Nối tiếp vào đường bê tông hiện có.

* Thiết kế cắt ngang:

- Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 5.5\text{m}$ (theo mặt đường hiện trạng)

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

* Thiết kế kết cấu mặt đường:

- Bê tông nhựa C12.5 dày 7cm.

- Tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{Kg/m}^2$.

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm.

- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

* Rãnh đúc sẵn B600 BTCT dài 67m

- Rãnh BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn B600

- Tấm đan BTCT M300 đá 1x2 KT:70x100x15cm

- Lót móng bằng BTXM M150 dày 10cm

* Thiết kế bó vỉa, tấm đón nước:

- Bó vỉa bê tông xi măng M200 Kích thước (0,5x0,3x0,185)m. Tấm đón nước BTXM M200 kích thước (0,5cx0,3x0.05)m

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	Tiêu chuẩn khảo sát	
1	Đường ô tô -Tiêu chuẩn khảo sát:	TCCS31:2020/TCĐBVN
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
II	Tiêu chuẩn thiết kế	

1	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054-2005
2	Tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn yêu cầu thiết kế	TCVN 10380 - 2014.
3	Áo đường cứng – Tiêu chuẩn thiết kế	TCCS39:2022/TCĐBVN
4	Tiêu chuẩn Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – Thi công và nghiệm thu.	TCVN 8859:2023
5	Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng 22	22 TCN 223-95
6	Công tác đất trong xây dựng- Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 4447-2012
7	Tiêu chuẩn quốc gia về thiết kế kết cấu bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
8	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02: 2022/BXD
9	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
10	Và các tiêu chuẩn chuyên ngành khác có liên quan	

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: **14.135.768.700 đồng.**

(Bằng chữ: Mười bốn tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm đồng)

Trong đó:

Chi phí xây dựng	11.912.103.598 đồng
Chi phí quản lý dự án:	328.354.930 đồng
Chi phí tư vấn:	968.557.964 đồng
Chi phí khác:	252.070.621 đồng
Chi phí dự phòng:	674.674.587 đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách phường và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án phường tổ chức thực hiện các bước theo đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Giám đốc Ban Quản lý dự án phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Nam

